

Số: 30 /NQ-HĐND

Đức Phổ, ngày 16 tháng 12 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**VỀ NHIỆM VỤ THU CHI NGÂN SÁCH VÀ PHƯƠNG ÁN
PHÂN BỐ NGÂN SÁCH NĂM 2023**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ
KHOẢ I - KỲ HỌP THỨ 9**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Xét Tờ trình số 231/TTr-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban
nhân dân thị xã về việc quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn,
chi ngân sách và phương án phân bổ ngân sách thị xã năm 2023; Báo cáo thẩm
tra số 268/BC-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Ban Kinh tế - Xã hội Hội
đồng nhân dân và ý kiến đại biểu Hội đồng nhân dân thị xã tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1. Thống nhất dự toán thu, chi ngân sách và phương án phân bổ
ngân sách thị xã năm 2023, với các nội dung như sau:**

I. Tổng thu ngân sách trên địa bàn: 253.400 triệu đồng

Trong đó:

- Thu thuế ngoài quốc doanh: 61.100 triệu đồng
- Phí - Lệ phí: 7.000 triệu đồng
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 700 triệu đồng
- Tiền cho thuê đất: 600 triệu đồng
- Thuế thu nhập cá nhân: 9.500 triệu đồng
- Lệ phí trước bạ: 14.000 triệu đồng
- Thu cấp quyền khai thác khoáng sản: 2.500 triệu đồng
- Thu tiền sử dụng đất: 139.000 triệu đồng
- Thu khác ngân sách: 18.000 triệu đồng
- Các khoản thu khác tại xã, phường: 1.000 triệu đồng

II. Nhiệm vụ thu ngân sách của các xã, phường và đơn vị:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Địa phương, đơn vị	Dự toán thu năm 2023
1	Phổ Châu	762
2	Phổ Thạnh	1.672

3	Phở Khánh	508
4	Phở Cường	884
5	Phở Hòa	531
6	Phở Vinh	254
7	Phở Minh	473
8	Nguyễn Nghiêm	5.510
9	Phở Ninh	1.083
10	Phở Nhơn	194
11	Phở Phong	547
12	Phở Thuận	704
13	Phở Văn	728
14	Phở An	448
15	Phở Quang	550
16	Các đơn vị khác	238.552
	Tổng cộng	253.400

III. Thu ngân sách thị xã (bao gồm ngân sách cấp thị xã và ngân sách cấp xã): 707.728 triệu đồng.

Trong đó:

- Các khoản thu 100%: 172.905 triệu đồng.
- Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %: 59.914 triệu đồng.
- Thu bổ sung cân đối từ ngân sách cấp tỉnh: 426.281 triệu đồng.
- Thu bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh: 48.628 triệu đồng.

IV. Tổng chi ngân sách thị xã: 707.728 triệu đồng.

Đơn vị tính: Triệu đồng

	TỔNG CHI NGÂN SÁCH THỊ XÃ	707.728
I	Chi đầu tư phát triển	180.927
1	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	180.927
2	Chi mua sắm trang thiết bị	0
II	Chi thường xuyên	463.966
1	Chi quốc phòng	5.258
2	Chi an ninh	8.173
3	Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	213.954
4	Chi y tế	0
5	Chi khoa học công nghệ	0
6	Chi văn hoá thông tin	5.596
7	Chi phát thanh, truyền hình	2.306

8	Chi thể dục thể thao	1.188
9	Chi đảm bảo xã hội	71.324
10	Chi sự nghiệp kinh tế	50.112
11	Chi sự nghiệp môi trường, đô thị	7.140
12	Chi quản lý hành chính	92.616
13	Chi thường xuyên khác	6.299
III	Dự phòng (đối với dự toán)	13.877
IV	Chi nguồn trợ cấp có mục tiêu ngân sách cấp trên	48.958

V. Phương án phân bổ chi ngân sách thị xã

TT	Nội dung chi	Dự toán (Triệu đồng)
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH THỊ XÃ	707.728
A	CHI NGÂN SÁCH CẤP THỊ XÃ	571.330
A.1	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	177.727
1	Nguồn vốn đầu tư XDCB theo phân cấp từ ngân sách tỉnh	27.727
2	Nguồn thu từ quỹ đất	130.000
3	Nguồn vốn cân đối ngân sách thị xã	20.000
4	Nguồn vốn tỉnh bổ sung có mục tiêu	0
A.2	CHI THƯỜNG XUYÊN	381.325
I	Chi quản lý hành chính	16.402
1	Văn phòng thị xã (hành chính)	8.807
a	Kinh phí hành chính (UBND) (kinh phí sửa chữa Hội trường 700, kinh phí sửa chữa nhà bảo vệ Khối UBND 200 triệu đồng)	2.973
b	Kinh phí hành chính (Cơ quan Tổ chức - Nội Vụ, kể cả kinh phí hoạt động Kho lưu trữ thị xã)	794
c	- Kinh phí phục vụ công tác tiếp dân: 70 triệu đồng - Kinh phí Ban tự vệ cơ quan: 15 triệu đồng	85
d	Chi hoạt động của UBND thị xã	2.000
đ	Chi hoạt động của Thường trực HĐND và các Ban HĐND thị xã	630
e	Chi hoạt động HĐND thị xã	950
f	Chi mua báo Người Đại biểu nhân dân (cấp thị xã)	88
g	Chi sinh hoạt phí HĐND thị xã	222

h	Kinh phí hoạt động Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (kể cả kinh phí số hóa hồ sơ thủ tục hành chính và ứng dụng công nghệ thông tin vào việc lấy ý kiến đánh giá sự hài lòng của người dân trong quá trình đến liên hệ giải quyết hồ sơ tại Bộ phận một cửa thị xã 130 triệu đồng)	350
i	Kinh phí chi kiểm soát thủ tục hành chính cấp thị xã và kinh phí thực hiện xác định chỉ số cải cách hành chính	115
k	Kinh phí học tập kinh nghiệm về việc phát triển xây dựng đô thị và nông thôn mới (kể cả học tập ở nước ngoài)	300
l	Kinh phí họp mặt cán bộ lãnh đạo của thị xã qua các thời kỳ, thăm các gia đình chính sách, các cơ quan, đơn vị nhân dịp Tết nguyên đán.	170
m	Kinh phí thực hiện phòng họp không giấy	130
2	Phòng Tư pháp (kể cả kinh phí tư vấn, giúp việc tham gia các phiên tòa)	434
3	Phòng Tài chính - Kế hoạch (kể cả kinh phí duy trì, vận hành Hệ thống TABMIS, kinh phí phục vụ cấp giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh 15 triệu đồng)	935
4	Phòng Lao động – Thương binh và xã hội	809
5	Thanh tra (kể cả kinh phí trang phục của ngành: 30 triệu đồng)	655
6	Phòng Tài nguyên và Môi trường	882
7	Phòng Kinh tế	924
8	Phòng Giáo dục và Đào tạo (Chi hành chính)	1.051
9	Phòng Quản lý đô thị	796
10	Phòng Y tế	179
11	Phòng Văn hoá và Thông tin (kể cả kinh phí duy trì hoạt động trang tin điện tử của thị xã 120 triệu đồng)	630
12	Kinh phí chuyển đổi số	300
II	Chi hoạt động Đảng Cộng sản Việt Nam (cấp thị xã)	11.715
II.1	Văn phòng thị xã	11.277
1	Thị uỷ (Trong đó: Kinh phí Ban tự vệ cơ quan: 15 triệu đồng; Kinh phí sửa chữa nhà ăn Thị uỷ: 900 triệu đồng; Kinh phí sửa chữa nhà bảo vệ khối Thị uỷ: 200 triệu đồng; Kinh phí trả nợ sửa chữa, cải tạo các phòng họp Thị uỷ: 552 triệu đồng)	7.052

2	Chi hoạt động ngoài định mức của Thị uỷ và Thường trực Thị uỷ	2.000
3	Chi phụ cấp trách nhiệm Thị uỷ viên	300
4	Kinh phí khen thưởng tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh	50
5	Kinh phí thực hiện Quy định 963-QĐ/TU	1.600
6	Kinh phí mua Tạp chí Kiểm tra đảng và Dân vận cấp cho các chi, đảng bộ cơ sở	16
7	Kinh phí xây dựng Thông tin sinh hoạt chi bộ	66
8	Kinh phí về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh	50
9	Kinh phí phụ cấp báo cáo viên và Tổ nắm bắt dư luận xã hội (theo HD 167 của Ban Tuyên giáo Trung ương)	143
II.2	Trung tâm chính trị thị xã	438
III	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội	6.230
1	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thị xã (Kể cả kinh phí hoạt động theo QĐ 76/2013/QĐ-TTg; Kinh phí sinh hoạt phí của UVUBMT theo QĐ số 33 của Thủ tướng Chính phủ, Kinh phí thực hiện QĐ 403 của UBND tỉnh; Kinh phí phục vụ các hoạt động quản lý sử dụng quỹ vì người nghèo; Kinh phí đón tiếp, kêu gọi các tổ chức cá nhân đến ủng hộ chăm sóc người nghèo và phụng dưỡng Bà Mẹ Việt Nam anh hùng; Kinh phí thực hiện công tác giám sát PBXH của Mặt trận; kinh phí thực hiện cuộc vận động TĐĐKXD NTM và đô thị văn minh và các hoạt động khác của Mặt trận trong năm; kinh phí tổ chức học tập kinh nghiệm: 100 triệu đồng; KP sửa chữa và mua sắm trang thiết bị nhà làm việc UBMT: 1.100 triệu đồng)	2.488
2	Đoàn Thanh niên (Kể cả kinh phí hoạt động của Hội LHTN Việt Nam thị xã, Đội TNTP Hồ Chí Minh thị xã và các hoạt động khác của Thị đoàn trong năm)	953
3	Hội Phụ nữ (Kể cả kinh phí thực hiện các đề án 297, 938, 939 và các hoạt động khác của Hội trong năm)	881
4	Hội Nông dân: Kể cả kinh phí tổ chức các hoạt động khác của Hội trong năm (trong đó bổ sung Quỹ hỗ trợ nông dân 300 triệu đồng, Kể cả kinh phí Đại hội đại biểu Hội nông dân 200 triệu đồng)	1.357
5	Hội Cựu chiến binh (Trong đó: Kể cả kinh phí chi phụ cấp Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh các khối: UBND thị xã, Dân vận và các hoạt động khác của Hội trong năm)	551

IV	Chi hoạt động sự nghiệp	54.713
1	Phòng Văn hóa và Thông tin	250
a	KP hoạt động của Văn phòng thường trực Ban Chỉ đạo phong trào TĐĐKXDĐSVH	50
b	KP hoạt động của Đội kiểm tra liên ngành	60
c	Kinh phí thực hiện đề án quản lý, bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh trên địa bàn thị xã	140
2	Trung tâm TT-VH-TT	4.265
a	Chi hoạt động sự nghiệp Văn hóa, thông tin (Kinh phí sửa chữa Trung tâm văn hóa 350 triệu đồng; Kinh phí sửa chữa 4 cụm pano)	1.690
b	Kinh phí hoạt động của Nhà lưu niệm Nguyễn Nghiêm	60
c	Kinh phí hoạt động của Trung tâm văn hóa	50
d	Kinh phí hoạt động Quảng trường 8/10	20
e	Kinh phí sự nghiệp thể dục thể thao	619
f	Kinh phí hoạt động sự nghiệp Truyền thông	701
g	Kinh phí mua máy ảnh phóng viên, máy quay tuyên truyền	225
3	Kinh phí xây dựng Pano tuyên truyền tại cửa ngõ phía Bắc thị xã	900
4	Kinh phí trả nợ sửa chữa, cải tạo Trung tâm văn hóa (giai đoạn 2)	419
5	Kinh phí trả nợ sửa chữa, cải tạo Quảng trường 8/10	441
6	Kinh phí hỗ trợ UBND xã Phổ Thuận dự án Hạ tầng Khu di tích Liên trì dục nguyệt	800
7	Trung tâm dịch vụ nông nghiệp	2.233
8	Hội Chữ thập đỏ (Kể cả kinh phí tiếp đón các đoàn cứu trợ do đơn vị tiếp nhận và phục vụ phòng chống thiên tai)	303
9	Kinh phí hoạt động Ban chỉ huy PCLB và TKCN	150
10	Kinh phí hoạt động của Ban An toàn giao thông	300
11	Phòng Y tế (kinh phí hoạt động của Ban an toàn thực phẩm thị xã kể cả ngành nông nghiệp và thương mại)	200
12	Phòng Y tế (Kinh phí kiểm tra liên ngành hành nghề y, dược tư nhân)	20
13	Kinh phí duy trì vận hành điện chiếu sáng công cộng trên địa bàn thị xã	4.714
14	Chi sự nghiệp giao thông	5.300

a	Kinh phí Duy tu bảo dưỡng, sửa chữa, cải tạo các tuyến đường thị xã quản lý	2.100
b	Hỗ trợ UBND phường Phổ Ninh: Tuyến đường từ ngã 3 xóm 20 đi Hóc Cát TDP Lộ Bàn	900
c	Hỗ trợ UBND phường Phổ Minh: Sửa chữa tuyến đường giao thông từ nhà ông Hiền đi Cầu Sắt	500
d	Hỗ trợ UBND xã Phổ Nhơn: Nâng cấp các tuyến đường nội thôn An Tây cũ	900
e	Hỗ trợ UBND phường Phổ Vinh: Tuyến ngã 3 Khu dân cư Đông Thuận (Phổ Vinh) đi Thủy Thạch (Phổ Cường)	900
15	Chi sự nghiệp nông nghiệp, nông thôn	3.780
a	Trung tâm dịch vụ nông nghiệp: Kinh phí thực hiện đề án Nâng cao chất lượng giống bò thịt	45
b	Kinh phí thực hiện sản phẩm OCOP	175
c	Kinh phí hội nghị tổng kết ngành nông nghiệp	10
d	Kinh phí phòng chống dịch bệnh gia súc gia cầm	1.500
đ	Hỗ trợ UBND xã Phổ Nhơn: KCH tuyến mương Vườn Tung đi Đồng Chòi (GD1)	900
e	Hỗ trợ UBND Phổ Phong: KCH tuyến kênh từ đồng Bồ Cối đi kênh Thạch Nham thôn Hiệp An	800
f	Hạt Kiểm lâm thị xã (Kinh phí phục vụ công tác phòng cháy, chữa cháy rừng)	350
16	Kinh phí cấp bù thủy lợi phí	5.031
17	Kinh phí hỗ trợ phát triển đất trồng lúa theo NĐ 35, NĐ 62	5.959
a	Kinh phí hỗ trợ trực tiếp cho người dân	3.159
b	Kinh phí hỗ trợ cho UBND các xã, phường duy tu, bảo dưỡng, xây dựng hệ thống kênh tưới phục vụ vùng sản xuất lúa	2.800
	Hỗ trợ UBND phường Phổ Ninh: Kiên cố hóa tuyến kênh mương từ Gò Tràm (An Ninh) đến đội 1 (An Trường)	700
	Hỗ trợ UBND phường Phổ Quang: Kiên cố hóa tuyến kênh Đồng Bàu Đội 1 Du Quang	700
	Hỗ trợ UBND xã Phổ Khánh: Kiên cố hóa tuyến kênh mương kênh N2 Diên Trường đi đá bạc	700
	Hỗ trợ UBND phường Phổ Hòa: Kiên cố hóa tuyến kênh mương tuyến kênh tưới Đồng Soi trong, Hiễn Văn	700

18	Kinh phí thực hiện đo đạc, cấp giấy CNQSD đất và kế hoạch sử dụng đất hàng năm	5.800
a	Kế hoạch sử dụng đất hàng năm; thống kê đất đai hàng năm	2.800
b	Kinh phí đo đạc lập hồ sơ địa chính đất công ích, đất chưa sử dụng do UBND xã quản lý (Chỉ thị 09) và cấp giấy CNQSDĐ sau dồn điền đổi thửa trên địa bàn thị xã	3.000
19	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng và phát triển quỹ đất thị xã: Kinh phí phục vụ công tác đấu giá quyền sử dụng đất	250
20	Chi sự nghiệp môi trường	6.222
a	Phòng Tài nguyên và Môi trường: Kinh phí phục vụ công tác biển đảo, môi trường (kể cả kinh phí quan trắc môi trường)	600
b	Công an thị xã: Kinh phí hỗ trợ công tác phòng chống tội phạm về môi trường	100
c	Kinh phí xử lý môi trường	5.522
21	Kinh phí chăm sóc cây xanh đô thị	6.947
22	Kinh phí đối ứng thực hiện các chương trình	400
23	Kinh phí trả nợ sửa chữa, mở rộng, cải tạo, mặt bằng tổ chức các lễ hội Xuân dịp tết Nguyên đán Tân Sửu	520
24	Kinh phí trả nợ vốn đối ứng sửa chữa, nâng cấp Nghĩa trang liệt sỹ xã Phổ Khánh	409
V	Chi công tác đảm bảo xã hội	64.877
1	Chi cứu tế thường xuyên (kể cả mua bảo hiểm y tế)	62.214
2	Chi công tác xã hội khác	1.500
3	Kinh phí tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách xã hội	1.163
VI	Chi công tác an ninh	2.670
1	Chi công tác trật tự an toàn xã hội bao gồm cả kinh phí phục vụ công tác tái hòa nhập cộng đồng, công tác thi hành án treo, cải tạo không giam giữ, công tác tha tù trước thời hạn có điều kiện, kinh phí hỗ trợ đề án tăng cường phổ biến, giáo dục pháp luật, người bị áp dụng các biện pháp tư pháp hoặc các biện pháp xử lý hành chính trên địa bàn thị xã, kinh phí thực hiện Quyết định 1395 của tỉnh và kinh phí phục vụ công tác phòng cháy, chữa cháy trên địa bàn thị xã và các nhiệm vụ khác (kể cả kinh phí thực hiện các nhiệm vụ đột xuất: 150 triệu đồng)	1.350
2	Kinh phí vận hành hệ thống giám sát giao thông đảm bảo an ninh trật tự và trật tự an toàn giao thông	120
3	Kinh phí lắp đặt camera giao thông	500

4	Hỗ trợ kinh phí trả nợ sửa chữa nhà bếp công an thị xã và hỗ trợ sửa chữa nhà công an xã Phổ Phong	700
VII	Chi công tác quốc phòng	2.243
1	Ban Chỉ huy quân sự thị xã (kể cả kinh phí thực hiện các nhiệm vụ đột xuất khác: 200 triệu đồng)	1.050
2	Hỗ trợ kinh phí sửa chữa nhà lương dụng	350
3	Hỗ trợ kinh phí trả nợ sửa chữa nhà làm việc cơ quan	663
4	Phòng Y tế: Chi phục vụ công tác khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự.	180
VIII	Chi công tác thi đua khen thưởng của thị xã (giao Cơ quan Tổ chức - Nội vụ)	600
IX	Chi thường xuyên khác	2.265
1	Chi hỗ trợ các Hội thực hiện nhiệm vụ được Nhà nước giao	1.100
2	Kinh phí hỗ trợ hoạt động của Trung tâm phục hồi chức năng của Hội	300
3	Hỗ trợ hoạt động Đoàn Biên phòng Sa Huỳnh	80
4	Hỗ trợ hoạt động Đoàn Biên phòng Phổ Quang	70
5	Kinh phí hỗ trợ hoạt động Văn phòng Nông thôn mới	30
6	Chi hỗ trợ hoạt động Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ	50
7	Chi công tác giáo dục phổ biến pháp luật và kinh phí chi phục vụ xây dựng xã, phường đạt chuẩn tiếp cận pháp luật	230
8	Kinh phí xúc tiến kêu gọi đầu tư, phát triển thương mại, du lịch	200
9	Kinh phí hỗ trợ hoạt động Viện kiểm sát nhân dân	50
10	Kinh phí hỗ trợ hoạt động Chi cục Thi hành án dân sự (kể cả kinh phí hoạt động của Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự: 35 triệu đồng)	85
11	Kinh phí hỗ trợ hoạt động của Tòa án nhân dân (kể cả kinh phí hỗ trợ hoạt động của Hội thẩm nhân dân thị xã: 20 triệu đồng)	70
X	Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ đột xuất trong năm chưa bố trí dự toán đầu năm	3.656
XI	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo - dạy nghề	213.954
1	Văn phòng thị xã	788
	Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng của ngân sách thị xã (Cơ quan Tổ chức - Nội vụ)	700
	Kinh phí hoạt động của Câu lạc bộ Nguyễn Nghiêm	88
2	Trung tâm chính trị thị xã	2.332
a	Kinh phí hoạt động sự nghiệp (kể cả kinh phí sửa chữa	1.532

	Trung tâm chính trị: 1.100 triệu đồng)	
b	Kinh phí hỗ trợ tiền ăn cho cán bộ không chuyên trách tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng	800
3	Phòng Giáo dục và đào tạo	208.375
	Kinh phí sự nghiệp giáo dục (kể cả kinh phí phục vụ đoàn công tác của thị xã đi thăm các đơn vị nhân ngày 20/11)	172.768
4	Hỗ trợ chi phí học tập và miễn giảm học phí (NĐ 86)	1.575
5	Chính sách phát triển giáo dục Mầm non (NĐ 105)	386
6	Học bổng, chi phí học tập cho học sinh khuyết tật	346
7	Kinh phí khen thưởng của ngành (giao Cơ quan Tổ chức - Nội vụ)	300
8	Kinh phí sự nghiệp giáo dục (sửa chữa, chống xuống cấp trường, lớp học các cấp học; Trang bị trang thiết bị để duy trì trường đạt chuẩn....)	33.000
9	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - GDTX	2.309
10	Kinh phí hoạt động của Trung tâm học tập cộng đồng	150
XII	Bổ sung nguồn vốn cho vay của ngân hàng chính sách xã hội thị xã	2.000
A.3	Dự phòng chi ngân sách cấp thị xã	12.278
B	CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ, PHƯỜNG	87.440
I	Chi đầu tư từ nguồn thu quỹ đất	3.200
	Trong đó:	
1	Hỗ trợ UBND xã Phổ Phong: Nâng cấp tuyến từ trường Tiểu học (ngõ Thới đến đường bê tông Nguyễn Cước)	800
2	Hỗ trợ UBND phường Phổ Thạnh: Nâng cấp tuyến đường vào Long Thạnh I đi Gò Cỏ	800
3	Hỗ trợ UBND Phổ Thuận: Tuyến đường từ nhà ông Trung đến nhà ông Bảo thôn Kim Giao	800
4	Hỗ trợ UBND Phổ Khánh: Cầu Trung Sơn và đường dẫn 2 bên cầu	800
II	Chi thường xuyên	84.240
1	Chi quản lý hành chính	57.669
2	Chi sự nghiệp phát thanh	480
3	Chi sự nghiệp văn hóa và Thông tin	1.866
4	Chi sự nghiệp thể dục - thể thao	569
5	Chi đảm bảo xã hội	4.447
6	Chi an ninh	5.503
7	Chi quốc phòng	3.015
8	Chi sự nghiệp kinh tế	5.076
9	Chi sự nghiệp môi trường	918
10	Chi thường xuyên khác	398
11	Dự phòng chi ngân sách xã, phường	1.599

12	Chi hỗ trợ các xã, phường mua sắm, sửa chữa tài sản và một số nhiệm vụ đột xuất khác (kể cả mua sắm thiết bị số hóa tại bộ phận một cửa hiện đại)	2.700
C	CÁC KHOẢN CHI THƯỜNG XUYÊN TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU NGÂN SÁCH CẤP TRÊN	48.958
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH THỊ XÃ	707.728

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thị xã:

- Điều hành dự toán thu, chi và phân bổ ngân sách đảm bảo quy định của Nhà nước. Khai thác và nuôi dưỡng nguồn thu, thực hiện thu đúng, đủ, thu kịp thời vào ngân sách nhà nước. Chi đúng mục đích, đối tượng và thứ tự ưu tiên. Tăng cường tiết kiệm chi thường xuyên, tập trung chi đầu tư phát triển.

- Căn cứ vào tiến độ thu, nộp ngân sách để điều hành chi cho phù hợp. Trong trường hợp thu không đạt dự toán, Ủy ban nhân dân thị xã báo cáo, đề nghị cấp thẩm quyền thống nhất điều chỉnh giảm, giãn chi một số khoản phù hợp quy định.

- Chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương, các cơ quan, đơn vị dự toán thực hiện đảm bảo Luật Ngân sách Nhà nước và các quy định liên quan. Thường xuyên báo cáo cho Thường trực HĐND thị xã, HĐND thị xã theo quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân thị xã thường xuyên kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thị xã khóa I, nhiệm kỳ 2021-2026 Kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 15 tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- TT Thị ủy;
- TT HĐND thị xã;
- UBND thị xã;
- UBMTTQVN và các tổ chức CT-XH thị xã;
- Các Ban HĐND thị xã;
- Đại biểu HĐND thị xã;
- Các phòng, ban, đơn vị thuộc UBND thị xã;
- Kho bạc Nhà nước Đức Phổ;
- Chi cục thuế khu vực Đức Phổ - Ba Tơ;
- Các cơ quan, đơn vị liên quan;
- TT HĐND, UBND các xã, phường;
- Văn phòng thị xã;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Kiên